



BSC WEEKLY REVIEW
Tuần 38 (18/09-22/09/23)

CHUYÊN MỤC TUẦN: Kinh tế Trung Quốc

NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *Giao dịch theo cây nến chỉ hướng khi VN-Index thoát khỏi vùng tích lũy*

2. CHUYÊN MỤC TUẦN: *Kinh tế Trung Quốc*

3. THỊ TRƯỜNG TIỀN TÊ

4. PTKT VN-INDEX: *Chưa rõ xu hướng và VN-Index đang vận động trong vùng tích lũy từ 1,220 - 1,250 điểm*

5. TIN VĨ MÔ: *Việt Nam - Hoa Kỳ thống nhất nâng cấp quan hệ lên đối tác chiến lược toàn diện*

6. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Điện, nước & xăng dầu khí đốt +3.72%*

7. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

8. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

CHIẾN THUẬT TUẦN: *Giao dịch theo cây nến chỉ hướng khi VN-Index thoát khỏi vùng tích lũy*

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1227.36	-1.14%
GTGD/phiên (tỷ VND)	24,598.45	7.25%
Khối ngoại (tỷ VND)	-2145.04	
HNX-INDEX	252.76	-1.34%
GTGD/phiên (tỷ VND)	2286.20	7.72%
Khối ngoại (tỷ VND)	11.81	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	4450.32	-1.22%	-0.16%	1.84%
EU (EURO STOXX)	4295.05	0.36%	1.37%	1.95%
China (SHCOMP)	3117.74	-0.28%	0.03%	-0.45%
Japan (NIKKEI)	33533.09	1.10%	2.84%	6.62%
Korea (KOSPI)	2601.28	1.10%	2.10%	3.86%
Singapore (STI)	3280.69	0.96%	2.27%	3.36%
Thailand (SET)	1542.03	-0.20%	-0.33%	1.51%
Phillipines (PCOMP)	6126.34	-1.32%	-1.55%	-2.61%
Malaysia (KLCI)	1459.03	0.65%	0.28%	0.89%
Indonesia (JCI)	6982.79	0.34%	0.84%	1.79%
Vietnam (VNIndex)	1227.36	0.29%	-1.14%	4.19%

TTCK VIỆT NAM

Vận động giằng co trong tuần ETF cơ cấu danh mục

Sự suy yếu của các cổ phiếu lớn và khối ngoại đẩy mạnh bán ròng trong tuần ETF cơ cấu khiến VN-Index ghi nhận mức giảm 1.1% và thanh khoản tăng 30% so tuần trước. Sắc đỏ lan tỏa với 68% cổ phiếu và 13/19 ngành giảm điểm. Vận động mang tính dẫn dắt của dòng tiền tại các ngành tăng điểm như Dầu khí, dịch vụ tài chính, ngân hàng và bán lẻ không thể bù đắp được mức giảm trên 6% của ngành Bất động sản. Diễn biến thị trường tuần qua khá khó lường do có hoạt động giao dịch cơ cấu của các quỹ ETF. Điều này vô hình chung phù hợp với nhận định của chúng tôi tuần trước về việc cân nhắc chốt lãi một phần để chủ động trước diễn biến thị trường không rõ ràng tại vùng đỉnh cũ. NĐT tuần này cần sẵn sàng giao dịch theo xu hướng có tính tạo lập sau đã đưa danh mục về mức cân bằng tuần trước.

Báo cáo HSBC chỉ ra Asean thu hút FDI cao kỷ lục gần 17% FDI toàn cầu trong năm 2022, tăng gấp 2 lần so với 4 năm trước nhờ nền tảng vững chắc, nhân khẩu học thuận lợi và chuỗi cung ứng cạnh tranh. Việt Nam tiếp tục đi đầu trong việc thu hút FDI chất lượng bất chấp thách thức về thương mại. FDI lĩnh vực sản xuất hiện tại cao hơn 3 năm gần nhất. Việt Nam nhanh chóng thăng hạng trong chuỗi giá trị, phát triển thành trung tâm lắp ráp điện tử quan trọng. Hoa Kỳ nổi lên là quốc gia đầu tư FDI chính tại Asean với thị phần 17%. Với việc nâng quan hệ lên đối tác chiến lược toàn diện với Hoa Kỳ, Việt Nam sẽ không chỉ có cơ hội thu hút trực tiếp vốn FDI mà còn mở ra cơ hội hợp tác phát triển trên nhiều lĩnh vực kinh tế, thương mại và đầu tư.

TTCK THẾ GIỚI

ECB tăng lãi suất cao kỷ lục, lạm phát Hoa Kỳ có dấu hiệu tăng trở lại

NĐT vẫn đang bị giằng co trước thông tin kinh tế Mỹ tích cực từ chỉ số CPI và doanh số bán lẻ và nguy cơ FED tiếp tục tăng lãi suất. Các chỉ số CK Hoa Kỳ tăng giảm xen kẽ nhưng vẫn duy trì mức hồi phục trên 2%. Diễn biến này lan tỏa tích cực đến các thị trường Châu Âu và Châu Á. Chỉ số EU600 tăng 2.2% trong khi TTCK Nhật tăng 2.8%. Chỉ số DXY tăng nhẹ 0.1%, chủ yếu so với EUR khi ECB phát tín hiệu sẽ dừng tăng lãi suất. Chỉ số hàng hóa tiếp tục ghi nhận mức tăng tốt 2.4%, dẫn đầu từ giá dầu (+3.8%), đường (+3.5%) và quặng sắt (+6.8%). Tuần tới, theo sau ECB, FED sẽ công bố lãi suất trong kỳ họp tháng 9 diễn ra từ 19-20/9 và sẽ có tác động lớn đến diễn biến của các thị trường.

CPI Hoa Kỳ ghi nhận tháng tăng mạnh nhất trong năm khi tăng 0.6% trong tháng 8 và tăng 3.7%yoy. CPI lõi tăng 0.3% và cao hơn dự báo 0.1%. Giá năng lượng tăng 5.6%, trong đó xăng tăng 10.6%, đóng góp phần lớn vào đà tăng CPI tháng 8, Sau đó là chi phí nhà, chiếm 1/3 rổ CPI, tăng 0.3%. Tại kỳ họp tháng 9, ECB tăng lãi suất lần thứ 10 lên mức kỷ lục 4% và điều chỉnh dự báo lạm phát từ 5.4% lên 5.6%. ECB tăng lãi suất trong kỳ họp tháng 9 trước đó phát tín hiệu giữ nguyên và lạm phát tăng trở lại đang tạo sức ép đáng kể đến quyết định của FED trong kỳ họp diễn ra vào tuần sau. Dù vậy, thị trường vẫn khá tự tin về việc FED sẽ giữ nguyên mức lãi suất điều hành ở mức hiện tại khi có đến 97% theo khảo sát CME ủng hộ điều này.

CHUYÊN MỤC TUẦN: Kinh tế Trung Quốc

1. Kinh tế Trung Quốc nhìn từ góc độ lịch sử

1.1. Kinh tế Trung Quốc từ khi thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (1949 đến nay)

- 1949-1978: nền kinh tế tích lũy và chuyển đổi từ kinh tế nông nghiệp sang công nghiệp nặng.
- 1979-2002: cải cách mở cửa và đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng, thu hút FDI.
- Giai đoạn 2003-2010: đẩy mạnh đầu tư, xuất khẩu, duy trì ưu tiên phát triển sản xuất công nghiệp.
- Giai đoạn 2011-nay: chuyển từ mô hình tăng trưởng dựa vào đầu tư và xuất khẩu sang mô hình tăng trưởng cân bằng hơn, chủ yếu dựa vào tiêu dùng nội địa và dịch vụ.

1.2. Bốn động lực tăng trưởng của nền kinh tế Trung Quốc

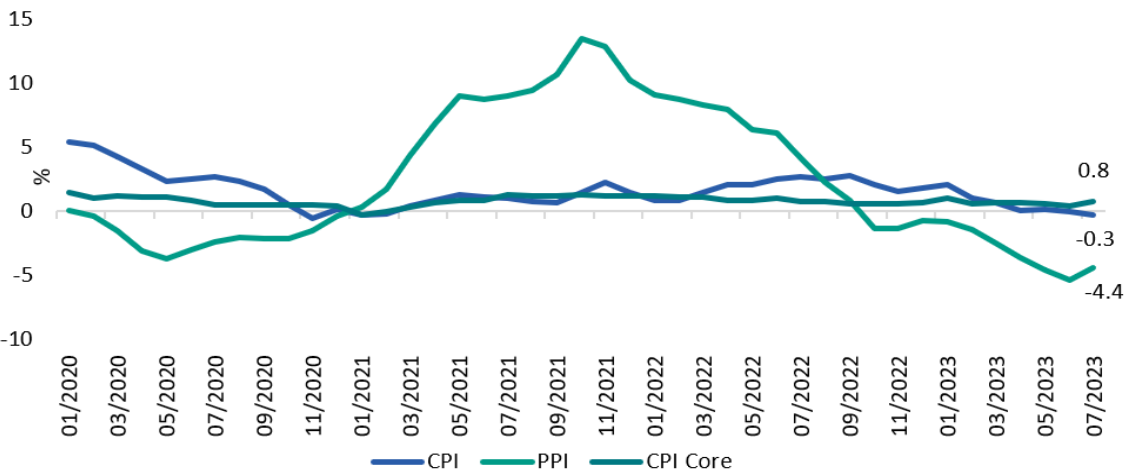
Bốn động lực tăng trưởng của nền kinh tế Trung Quốc bao gồm: (i) Đẩy mạnh đầu tư công của Chính Phủ; (ii) Tăng trưởng mạnh mẽ của khu vực kinh tế tư nhân; (iii) Khu vực sản xuất thâm hụt lớn vốn và lao động và (iv) Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI.

2. Kinh tế Trung Quốc 7 tháng đầu năm 2023

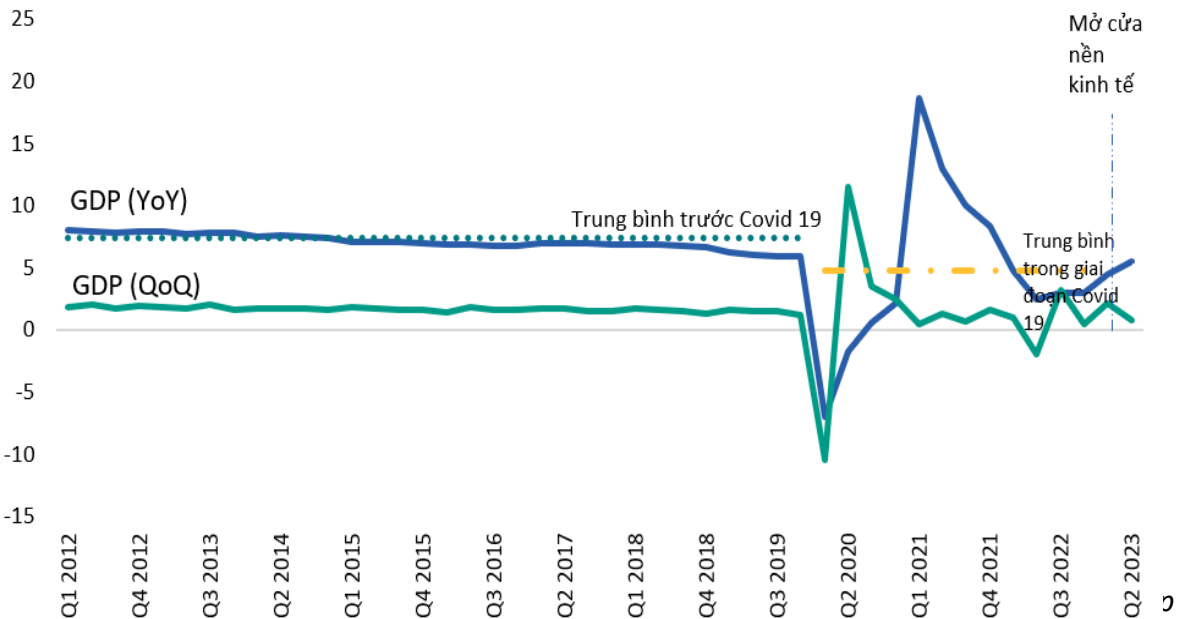
- **Tăng trưởng GDP không đạt như kỳ vọng:** GDP YoY Q2/2023 chỉ tăng trưởng 6,3% so với cùng kỳ năm ngoái, cao hơn mức tăng 4,5% của Q1/2023 nhưng thấp hơn nhiều so với con số 7,3% được dự báo. Về phía cầu, tăng trưởng kinh tế chủ yếu được dẫn dắt bởi tiêu dùng và dịch vụ, trong đó tiêu dùng chứng kiến sự hồi phục mạnh nhất, chiếm 57,8% GDP của trong Q1/2023.

- **CPI, PPI tăng trưởng âm:** CPI của Trung Quốc tháng 7 giảm 0,3% so với cùng kỳ năm ngoái, đánh dấu tháng giảm đầu tiên kể từ tháng 2/2021 theo đó nền kinh tế Trung Quốc chính thức bước vào tình trạng “giảm phát”. Trong khi đó, chỉ số giá của nhà sản xuất (PPI) cũng đã giảm tháng thứ 10 liên tiếp kể từ tháng 10/2022, với mức giảm 4,4% trong tháng 7 so với cùng kỳ năm ngoái.

Đồ thị 02. Diễn biến CPI Trung Quốc

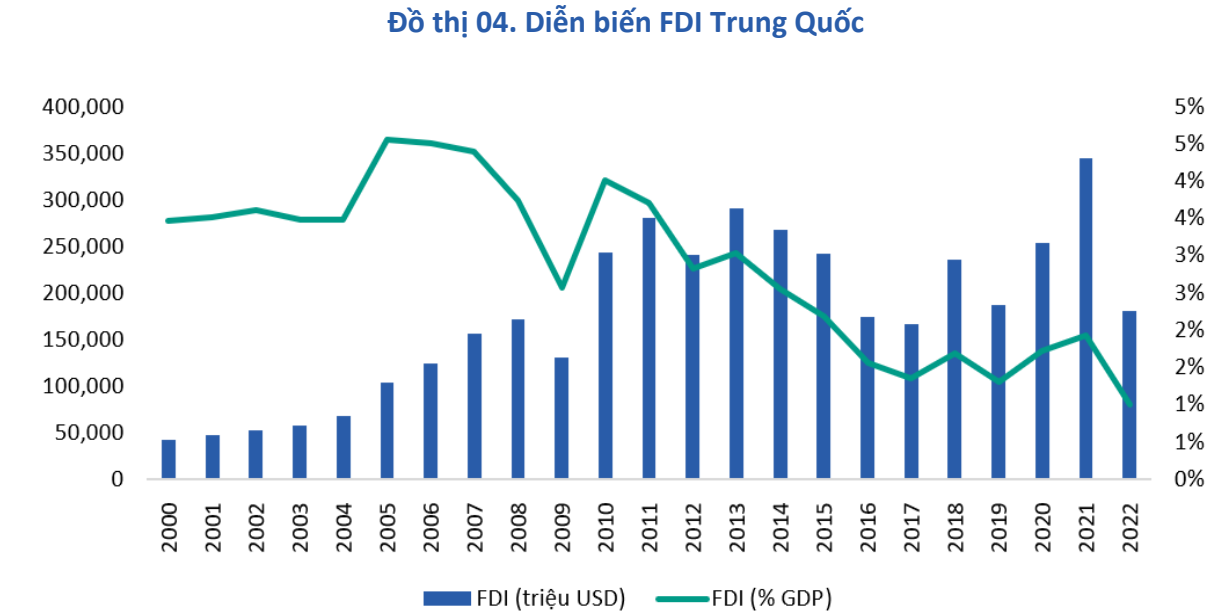


Đồ thị 01. Tăng trưởng GDP thực của Trung Quốc

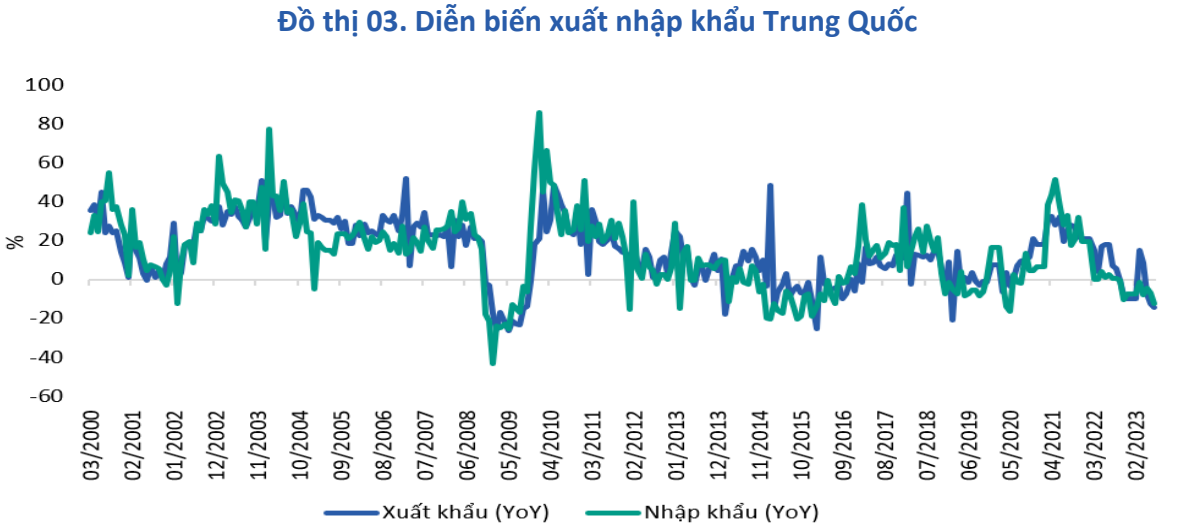


CHUYÊN MỤC TUẦN: Kinh tế Trung Quốc

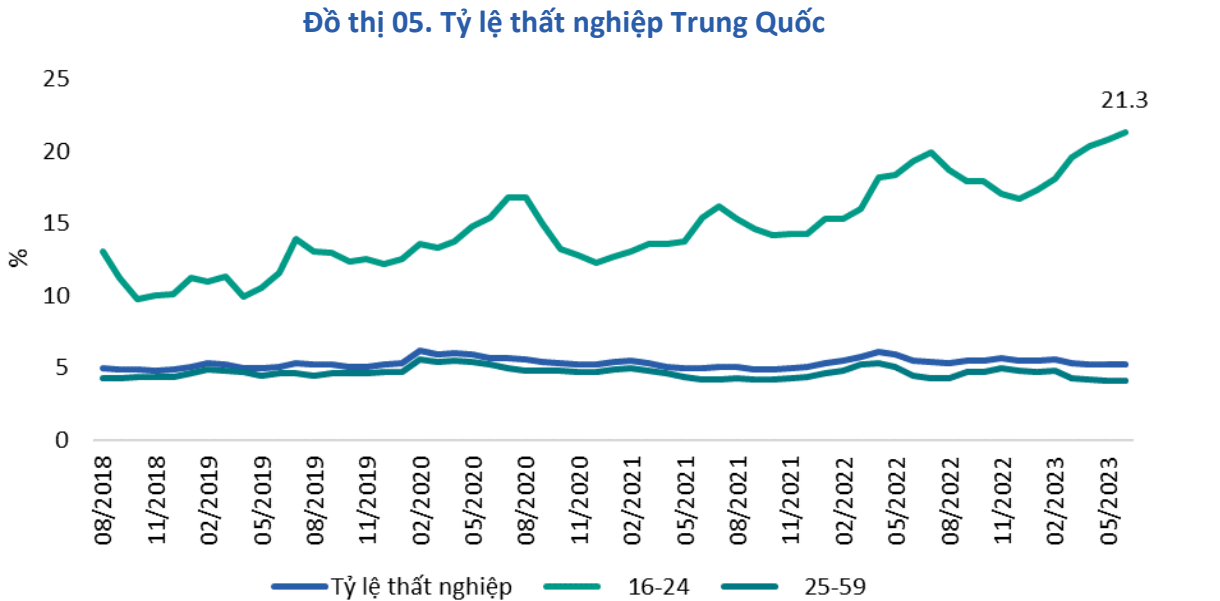
- **Xuất nhập khẩu suy giảm:** Xuất nhập khẩu tiếp tục suy yếu do nhu cầu tiêu dùng giảm, cầu trên thế giới thấp dẫn đến hoạt động sản xuất suy giảm. T7/2023, kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 3.460 tỷ nhân dân tệ, giảm 8,3% so cùng kỳ năm ngoái, nhập khẩu giảm mạnh nhất trong 6 tháng 2023, T7 giảm 12,4%, 7T2023 giảm 7,6%YoY.
- **FDI suy giảm:** FDI Q2/2023 giảm xuống dưới mức 4,9 tỷ USD, giảm 87% YoY, đây là mức giảm lớn nhất từ năm 1998, do ảnh hưởng của chính sách zero-COVID cùng với căng thẳng leo thang giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc đã có tác động tiêu cực đến kế hoạch đầu tư của các doanh nghiệp ở nhiều lĩnh vực như chất bán dẫn, trí tuệ nhân tạo...
- **Tỷ lệ thất nghiệp thanh niên ở mức cao:** tỷ lệ thất nghiệp thanh niên tháng 6/2023 tăng 21,3% MoM. Mới đây, Trung Quốc đã tạm dừng công bố dữ liệu về tỷ lệ thất nghiệp theo nhóm tuổi cụ thể khi tỷ lệ này tăng cao kỷ lục vào tháng 6/2023.



Nguồn: Bloomberg, Ngân hàng Thế giới, BSC tổng hợp



Nguồn: Bloomberg, BSC tổng hợp



Nguồn: Bloomberg, Ngân hàng Thế giới, BSC tổng hợp

CHUYÊN MỤC TUẦN: Kinh tế Trung Quốc

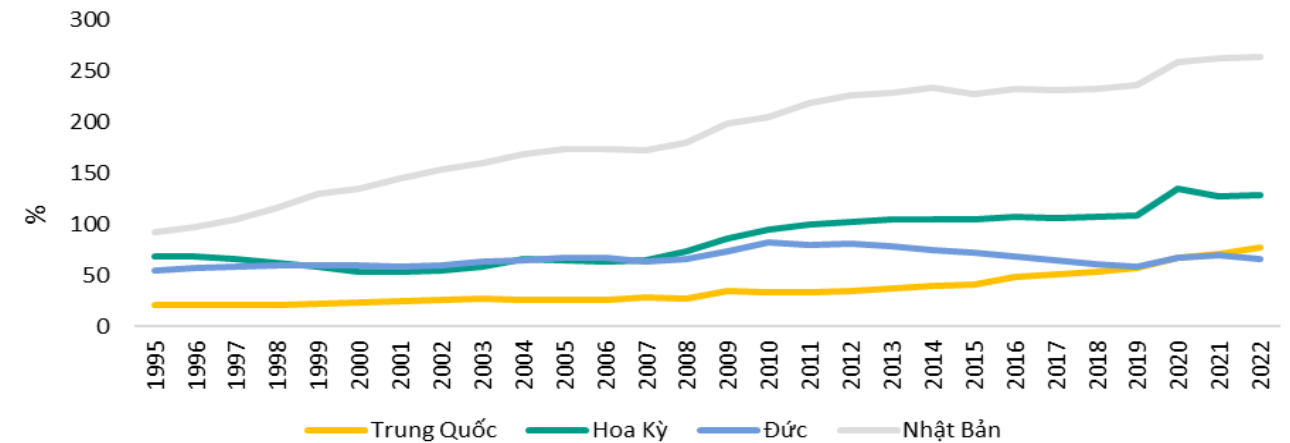
2.2. Các động lực tăng trưởng không trụ vững kéo theo sự suy yếu của nền kinh tế

- Đầu tư công ở trong tình trạng dư thừa và sự suy thoái của lĩnh vực Bất động sản:

Đầu tư công ở trong tình trạng dư thừa: Sự bùng nổ của kinh tế Trung Quốc trong thế kỷ 21 chủ yếu dựa trên nguồn đầu tư rất lớn vào hạ tầng xây dựng, các tòa nhà cao tầng, đường xá..., với số vốn lên tới 44% GDP hằng năm trong giai đoạn 2008-2021. Theo Ngân hàng Thế giới, con số này trung bình toàn cầu là 25% và khoảng 20% ở Hoa Kỳ. Mô hình này mở ra một giai đoạn tăng trưởng phi thường cho Trung Quốc, tuy nhiên đến hiện tại cũng đã cho thấy những dấu hiệu tiêu cực khi nước này ở trong tình trạng nợ nần và cạn kiệt mọi thứ để xây dựng. Thêm vào đó, dư địa để Chính phủ Trung Quốc thực hiện các chính sách hỗ trợ kinh tế không còn nhiều khi nợ công của Trung Quốc tiếp tục gia tăng đặc biệt là nợ của các Chính quyền địa phương.

Bất động sản suy thoái: Trước năm 2020, Bất động sản trải qua quá trình tăng trưởng nóng dựa trên vay vốn, dư thừa cung, xây dựng tràn lan do ảnh hưởng từ đô thị hóa cũng như chính sách đất đai đã khuyến khích Chính quyền địa phương tăng cường chuyển nhượng đất cho các doanh nghiệp để tạo nguồn thu. Dưới tình hình đó, cuối năm 2020, Chính phủ Trung Quốc đã đưa ra chính sách “3 lần ranh đỏ”. Chính sách này đã khiến các doanh nghiệp rơi vào tình trạng thiếu hụt thanh khoản khi các doanh nghiệp tăng trưởng chủ yếu bằng việc xoay vòng nợ phải trả liên tục. T9/2021, Evergrande – một trong những doanh nghiệp hàng đầu vỡ nợ kéo theo đó là một loạt các doanh nghiệp khác lâm vào tình thế thiếu hụt thanh khoản đã khiến thị trường khủng hoảng. T8/2023, Country Garden – điểm sáng trong bức tranh ảm đạm của thị trường đã quá hạn thanh toán một số lô trái phiếu quốc tế khiến cả thị trường bất ngờ và hiện nay doanh nghiệp này đang phải đàm phán với các trái chủ để tiếp tục xin gia hạn nợ. Theo như đánh giá từ các chuyên gia, các biện pháp mà Chính Phủ đưa ra chưa thực sự tác động đến cầu cũng như rất cầm chừng và dè dặt, dường như các nhà hoạch định chính sách vẫn quyết tâm thanh lọc thị trường nhà đất theo như chủ trương của Chủ tịch Tập Cận Bình “nhà để ở chứ không phải để đầu cơ” khiến thị trường tiếp tục chìm sâu trong suy thoái.

Đồ thị 06. Nợ công Chính phủ (%GDP)



Nguồn: IMF, BSC Research tổng hợp

Đồ thị 07. Tăng trưởng các ngành tại Trung Quốc



CHUYÊN MỤC TUẦN: *Kinh tế Trung Quốc*

- **Sự suy yếu ở khu vực kinh tế tư nhân – nhân tố thúc đẩy tăng trưởng mạnh mẽ:** Theo Ủy ban Cải cách và Phát triển Quốc gia Trung Quốc, khu vực tư nhân đóng góp 60% GDP, hơn 70% đổi mới công nghệ, hơn 80% việc làm ở thành thị với hàng loạt các tập đoàn kinh tế khổng lồ chi phối nền kinh tế như: Alibaba, Tencent, Baidu, Bytedance... Thời gian vừa qua, Trung Quốc đã ban hành nhiều quy định và xử phạt nhiều hành vi độc quyền của các tập đoàn tài chính công nghệ như Alibaba, Didi Chuxing... với số tiền lên đến hàng tỷ USD. Niềm tin của kinh tế tư nhân suy giảm khiến động lực tăng trưởng giảm, đầu tư tài sản cố định của khu vực này trong những tháng đầu năm nay giảm mạnh so với khu vực kinh tế quốc doanh.
- **Dân số đã trải qua thời kỳ dân số vàng:** chính sách một con đã được áp dụng trong thời gian dài từ năm 1980-2016 cùng với chi phí giáo dục, đào tạo cao đã khiến tỷ lệ sinh giảm. Năm 2022, mức tăng trưởng dân số tự nhiên là -0.6%, lần đầu tiên tăng trưởng âm sau 61 năm. Dân số đã qua thời kỳ dân số vàng ảnh hưởng đến khu vực sản xuất thâm hụt lớn vốn và lao động cũng như khiến cho tiêu dùng trong nước giảm đi trong tình hình nước này chịu sức ép tăng trưởng bằng tiêu dùng, dịch vụ thay vì đầu tư và xuất khẩu.
- **Rủi ro địa chính trị khiến đầu tư nước ngoài vào Trung Quốc suy yếu:** Căng thẳng ngày càng leo thang giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ đã khiến cho giới đầu tư lo ngại khi đầu tư vào thị trường này và xuất hiện hiện tượng rút vốn ròng khỏi thị trường.

3. Ảnh hưởng của kinh tế Trung Quốc đến Việt Nam

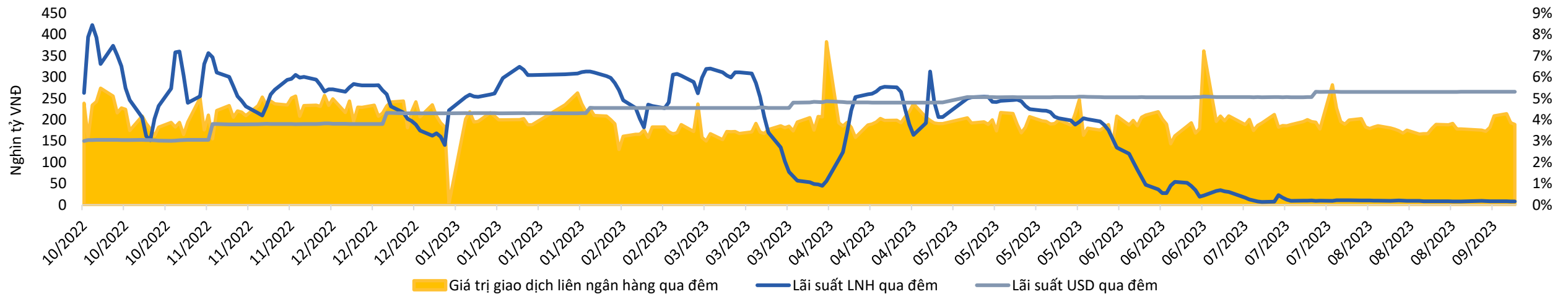
- **Tác động tích cực:**
 - (i) Giảm chi phí đầu vào sản xuất khi Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam;
 - (ii) Xuất khẩu có thể được hưởng lợi khi Trung Quốc gặp khó khăn, Việt Nam có thể thay thế vị trí này; đặc biệt ở thời điểm hiện tại, Việt Nam và Hoa Kỳ đã nâng cấp quan hệ trở thành đối tác chiến lược toàn diện;
 - (iii) Ảnh hưởng tích cực từ việc chuyển dịch dòng vốn FDI vào Việt Nam do ảnh hưởng từ rủi ro địa chính trị.
 - **Tác động tiêu cực:**
 - (i) Hàng hóa Việt Nam chịu sự cạnh tranh của hàng hóa Trung Quốc cả ở thị trường nội địa và thị trường xuất khẩu đặc biệt trong xu hướng giảm giá của đồng Nhân dân tệ như hiện nay và từ đó có những ảnh hưởng tiêu cực đến cán cân thương mại, tỷ giá ...;
 - (ii) Xuất khẩu hàng hóa sang Trung Quốc suy giảm trong khi Trung Quốc là thị trường nhập khẩu hàng hóa lớn thứ 2 của Việt Nam, chỉ sau Hoa Kỳ.
- Ngoài ra, Nhà đầu tư có thể tìm đọc báo cáo chuyên đề "**Trung Quốc "reopening"**" đã được BSC công bố trước đây, trong đó chúng tôi đã trình bày những ảnh hưởng của kinh tế Trung Quốc đến từng nhóm ngành cụ thể.

Báo cáo tham khảo:

- Trung Quốc "reopening": [Link](#)

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Diễn biến giao dịch thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng:

	Qua đêm	1 tuần	2 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng
Lãi suất liên ngân hàng BQ	0.16%	0.33%	0.50%	1.12%	3.84%	6.47%	7.20%
So với tuần trước	-0.01%	-0.04%	-0.10%	-0.36%	0.13%	0.94%	-0.02%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	198,514.00	10,965	6,937	8,104	1,272	314	3
So với tuần trước	8.20%	-82.55%	-8.73%	118.59%	24.02%	52.44%	-54.55%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 13/09/2023

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Nhận xét:

- Trong tuần 37, bình quân lãi suất liên ngân hàng qua đêm gần như không đổi, thanh khoản tăng.
- Hoạt động trên OMO không ghi nhận giao dịch mới.

PTKT VN-INDEX: Chưa rõ xu hướng và VN-Index đang vận động trong vùng tích lũy từ 1,220 - 1,250 điểm

Đồ thị ngày: Diễn biến giằng co diễn ra trong cả tuần giao dịch với những phiên tăng và giảm điểm xen kẽ, VN-Index vẫn giảm điểm với 1 cây nến marubozu đồ thị tuần. Như đã đề cập trong tuần trước, dấu hiệu phân âm đã xuất hiện khi VN-Index vượt đỉnh ngắn hạn. Chỉ số điều chỉnh những vấn duy trì trên SMA20 đồ thị ngày và SMA100 đồ thị tuần. Thanh khoản tăng từ áp lực chốt lãi cũng như bị gây nhiễu bởi hoạt động cơ cấu ETF. Các chỉ báo kỹ thuật ở mức trung tính và tín hiệu phân kỳ nhẹ giữa giá và các chỉ báo kỹ thuật tiếp tục duy trì.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI giảm từ 62 xuống 53 điểm.
- MACD chuẩn bị cắt đường tín hiệu từ trên xuống nhưng vẫn giữ trên mức 0. Thanh khoản bình quân tăng 31% so tuần trước.
- VN-Index vượt đường SMA trung và dài hạn đồ thị ngày và giữ trên SMA100 đồ thị tuần.

Kết luận: Những phiên giảm có khối lượng giao dịch tăng trong khi phiên tăng có khối lượng giao dịch giảm là tín hiệu thiếu tích cực của VN-Index trong vùng tích lũy 1,220 – 1,250 điểm. Chỉ số dù vậy vẫn duy trì trên các đường bình động trung hạn và đường xu hướng. Tuần qua VN-Index biến động mạnh và khó lường do bị gây nhiễu từ hoạt động cơ cấu danh mục của ETF. Cơ hội tiếp tục tăng điểm vượt đỉnh cũ tại 1,245 điểm và giảm điểm hình thành mô hình 2 đỉnh trong ngắn hạn là như nhau. VN-Index do vậy vẫn cần một cây nến chỉ hướng xác nhận cho các khả năng này trong tuần tới.



Nguồn: BSC Research



TIN VĨ MÔ: Việt Nam - Hoa Kỳ thống nhất nâng cấp quan hệ lên đối tác chiến lược toàn diện

VIỆT NAM:

- Việt Nam - Hoa Kỳ thống nhất nâng cấp quan hệ lên đối tác chiến lược toàn diện.
- Chính phủ: Tại Nghị quyết 144/NQ-CP, Chính phủ yêu cầu khẩn trương xem xét, điều chỉnh phù hợp theo thẩm quyền hệ số rủi ro đối với các phân khúc bất động sản khác nhau
- Bộ Tài chính: Thu NSNN từ đầu năm đến hết ngày 4/9/2023 đạt 1,130.9 nghìn tỷ đồng, bằng 69.78% dự toán. Trước đó, tổng thu NSNN thực hiện tháng 8 ước đạt 88.1 nghìn tỷ đồng, chỉ bằng 59.5% mức thu bình quân 7 tháng đầu năm, tương ứng giảm 60 nghìn tỷ đồng.
- Ngành ngân hàng: Dù đã có nhiều đợt giảm lãi suất tiền gửi tiết kiệm trong tháng 8, đầu tháng 9 lãi suất huy động tại các ngân hàng tiếp tục điều chỉnh giảm.
- VSD: Số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán tại ngày 31/08/2023 là gần 7.7 triệu tài khoản, tăng 188,635 tài khoản so với đầu tháng.
- Trung Quốc: tính đến tháng 8/2023, Trung Quốc đã có gần 4,000 dự án ở Việt Nam, với tổng vốn đăng ký đạt 26 tỷ USD, đứng thứ 6/143 quốc gia và vùng lãnh thổ có đầu tư tại Việt Nam.

THẾ GIỚI:

- Hoa Kỳ: PPI tháng 8/2023 +1.6% YoY (+0.7% MoM), dự báo +1.2% YoY (+0.4% MoM), trước đó +0.8% YoY (+0.3% MoM).
- Hoa Kỳ: CPI tháng 8/2023 +3.7% YoY (dự kiến: +3.6% YoY), trước đó +3.2% YoY. CPI lõi +4.3% YoY (dự kiến +4.3% YoY).
- Châu Âu: ECB tăng lãi suất thêm 0.25%. Lãi suất tái cấp vốn chính, lãi suất tiền gửi cơ sở, lãi suất cho vay cận biên lần lượt đạt 4.5%, 4.0%, 4.75%.
- Trung Quốc: PBoC giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc xuống quanh mức 7.4% từ ngày 15/9/2023.
- Trung Quốc: Thâm Quyển nới lỏng hạn chế mua nhà để giải phóng nhu cầu như cho phép cư dân từ Hồng Kông và Macao đầu tư vào bất động sản phi dân cư,...
- Trung Quốc: CPI tháng 8/2023 +0.1% YoY (dự kiến: +0.2% YoY); PPI tháng 8/2023 -3.0% YoY (dự kiến: -3.0% YoY).
- Nhật Bản: GDP quý 2/2023 +1.2% QoQ (+4.8% YoY).
- Anh: JP Morgan hạ dự báo tăng trưởng GDP của Anh 20 điểm cơ bản xuống 0.4% và cảnh báo nguy cơ suy thoái.

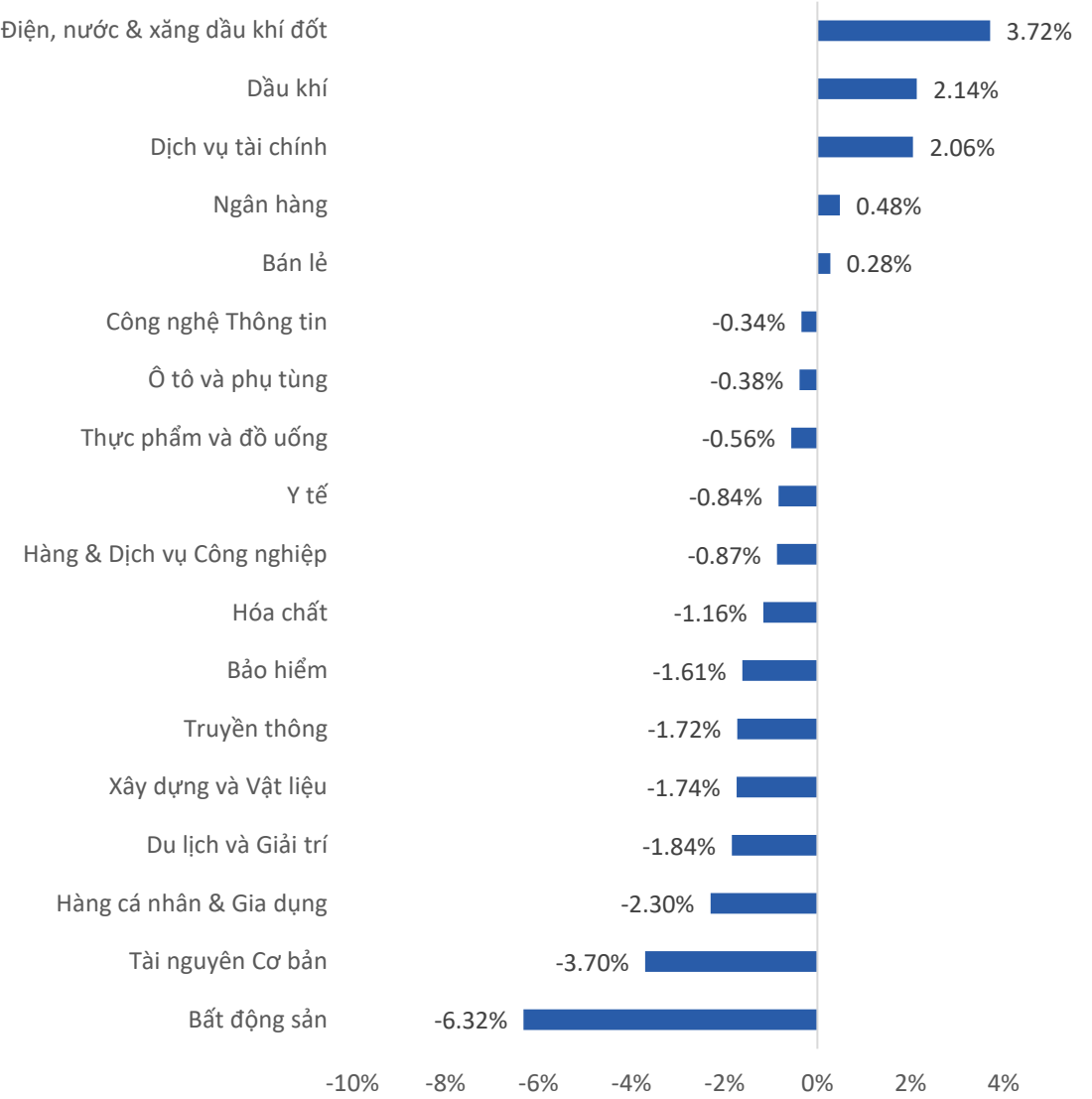
THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- Dòng tiền duy trì ổn định và vận động ngành vẫn đang tích cực cho dù các cổ phiếu trụ cột suy yếu;
- HĐTL đáo hạn vào 21/9;
- 19/9, Biên bản chính sách tiền Australia; CPI EU và Canada; giấy phép xây dựng Hoa Kỳ. 20/9, CPI Anh; Dự trữ dầu thô Hoa Kỳ. 21/9, Lãi suất FED và báo cáo FOMC; Lãi suất và báo cáo chính sách tiền tệ NHTW Anh và Thụy Sĩ; Đơn xin trợ cấp thất nghiệp và doanh thu nhà qua sử dụng Hoa Kỳ. 22/9, Chính sách tiền tệ Nhật Bản; PMI Anh, EU và Hoa Kỳ.

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu		
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	2.07%	3.72%	6.64%	REE	2.11%	
Dầu khí	0.63%	2.14%	1.07%	PLX	1.98%	GAS -0.23%
Dịch vụ tài chính	-0.30%	2.06%	14.43%	SSI	4.38%	HCM 9.92%
Ngân hàng	0.49%	0.48%	1.43%	VCB	2.41%	VPB 2.20%
Bán lẻ	-1.83%	0.28%	5.12%	MWG	6.96%	PNJ 3.21%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	90.77	0.68%	3.73%	12.53%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/bbl.	93.93	0.25%	3.62%	11.34%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USd/gal.	270.81	-1.26%	2.05%	4.15%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/oz.	1,923.91	0.69%	0.25%	1.83%		PNJ
Bạc	USD/oz.	23.04	1.71%	0.48%	1.26%		PNJ
Đậu tương	USd/bu.	1,340.25	-1.49%	-1.67%	-0.96%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	USd/bu.	604.25	1.77%	1.43%	-5.44%		AFX
Sữa	USD/cwt	18.40	0.00%	-0.43%	-0.49%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	236.00	0.94%	0.90%	19.01%	DPR, PHR, HAG, HNG	SRC, CSM, DRC
Đường	USd/lb.	27.16	-0.22%	2.11%	12.88%	SBT, LSS, SLS, QNS	VNM, GTN, QNS
Cà phê	USd/lb.	159.15	3.34%	7.06%	6.10%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/MT	8,405.50	-0.14%	1.98%	2.00%	MSN, ACM, BGM	CAV, SAM, TGP, VTH
Thép	CNY/MT	3,816.00	1.06%	1.57%	2.14%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC
Nhôm	USD/MT	2,190.00	-1.55%	0.30%	2.48%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	873.00	1.63%	4.99%	13.38%		HPG
Than đá	USD/MT	166.15	0.73%	4.17%	2.12%	HLC, NBC, TNT, THT	HT1, BCC, PPC, POW
Thép HRC	CNY/MT	3,891.00	0.93%	1.25%	0.59%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index

Mã	% tăng	Điểm số
GAS	8.09%	3.94
VCB	1.47%	1.82
VPB	2.97%	1.10
CTG	2.66%	1.02
VIB	6.68%	0.86
GVR	3.91%	0.85
MBB	3.47%	0.85
SSI	5.97%	0.75
HDB	5.26%	0.66
MWG	2.57%	0.51
Tổng		12.36

Top giảm điểm số VN-Index

Mã	% giảm	Điểm số
VIC	-9.31%	-5.26
VHM	-3.81%	-2.18
NVL	-7.80%	-0.78
HPG	-1.43%	-0.58
BCM	-2.82%	-0.52
HVN	-3.75%	-0.28
LPB	-2.78%	-0.20
PNJ	-2.63%	-0.18
VRE	-1.05%	-0.18
BMP	-7.30%	-0.14
Tổng		-10.30

Khối ngoại mua ròng

Mã	Mua ròng	SHNN
VIX	223.96	
PDR	223.63	
VNM	193.14	
VCB	151.94	
BSI	89.56	
DGC	67.45	
HDG	60.13	
EIB	40.73	
VCG	39.05	
VGC	35.40	
Tổng	1,124.99	

Khối ngoại bán ròng

Mã	Mua ròng	SHNN
HPG	-720.11	
STB	-379.28	
SHB	-212.33	
VIC	-207.42	
MWG	-178.31	
KBC	-146.80	
VCI	-144.40	
FUESSVFL	-121.94	
NVL	-95.30	
MSN	-92.48	
Tổng	-2298.37	

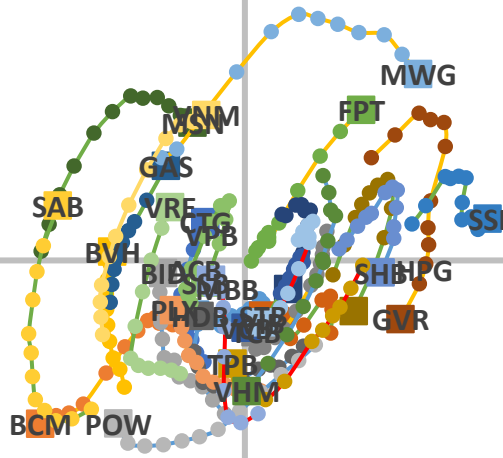
Vận động cổ phiếu VN30

FPT	107.4859	104.0251	36.14%
MWG	111.1382	104.9781	31.36%
SSI	115.5931	101.1088	42.86%
VIC	100.2795	103.6585	16.07%
BVH	91.50888	100.2289	2.61%
CTG	97.48005	101.0204	13.86%
GAS	94.94366	102.5253	6.98%
MSN	96.66607	103.6804	6.40%
SAB	88.0144	101.461	1.94%
VJC	92.24382	100.9774	0.82%
VNM	97.53647	103.8811	21.62%
VRE	95.22085	101.4202	12.64%
GVR	110.0064	98.42569	22.75%
HPG	106.9986	98.63868	21.05%
MBB	102.8061	99.22676	9.06%
SHB	108.7343	99.67365	16.60%
STB	101.1912	98.51318	18.30%
TCB	100.7134	98.0757	8.66%
VCB	100.0678	98.18929	0.22%
VHM	100.1263	96.4972	-1.26%
VIB	101.1026	98.33963	5.71%
ACB	96.81353	98.54644	3.67%
BCM	86.87901	95.62354	-11.08%
BID	94.76257	99.6542	7.44%
HDB	97.1189	98.51034	4.18%
PLX	95.46311	98.66126	3.63%
POW	91.89545	95.63087	-7.25%
SSB	97.48427	99.39578	7.45%
TPB	99.22672	97.23008	7.69%
VPB	97.84196	99.47889	7.44%

Hồi
phục

Tích
cực

JdK RS-Momentum



Tiêu
cực

Suy
yếu

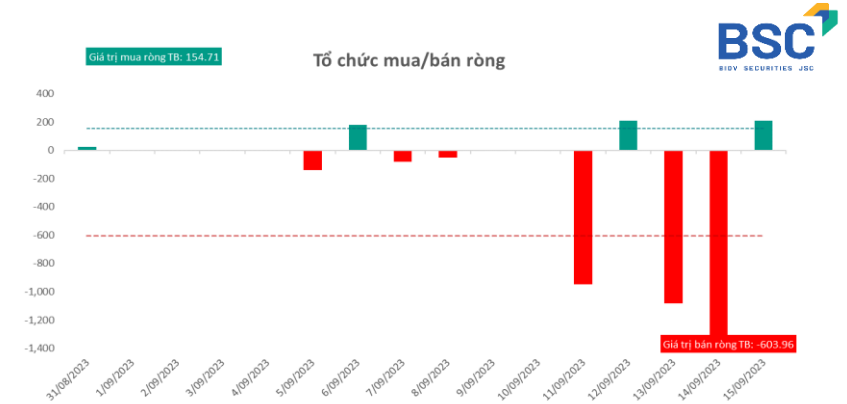
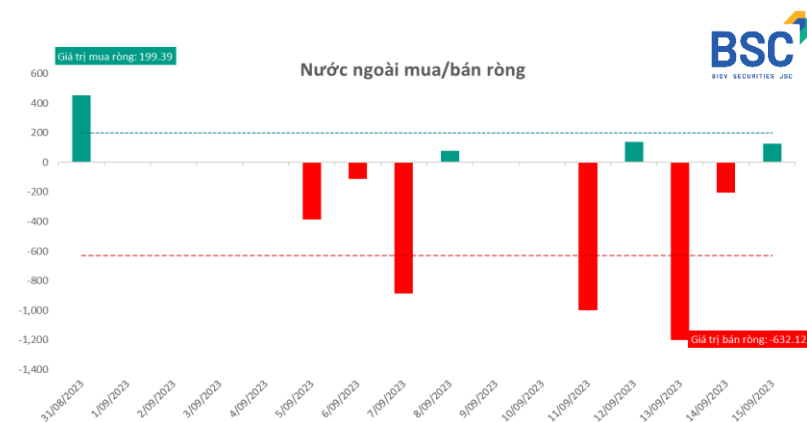
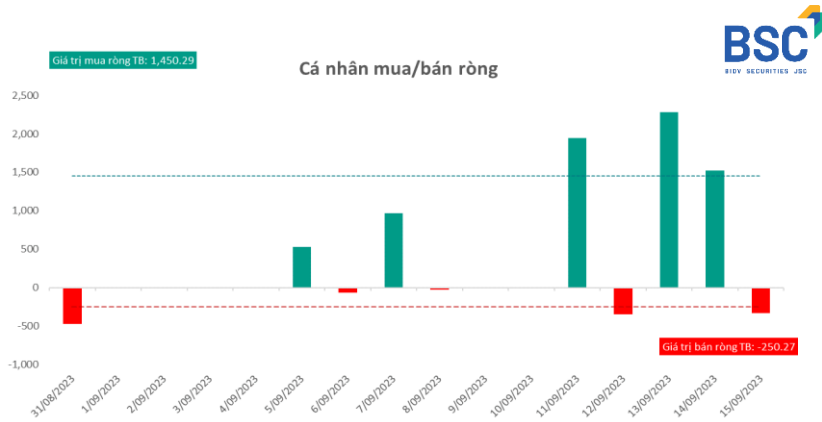
JdK RS-Ratio

Nguồn: Bloomberg

Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- **Tích cực** → nên trong danh sách mua
- **Suy yếu** → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- **Tiêu cực** → nên trong danh sách tránh
- **Hồi phục** → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN



Tự doanh						NĐTNN						Cá nhân					
Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng		
Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị
FUESSVFL	6,313,500	125.11	NVL	13,120,600	-253.77	VIX	11,389,198	223.96	HPG	25,291,110	-720.11	VHM	21,799,797	1,133.18	PDR	10,674,402	-272.49
MSN	1,120,384	92.30	SSI	4,332,886	-153.09	PDR	8,733,102	223.63	STB	11,782,850	-379.28	HPG	27,083,668	770.37	EIB	7,966,132	-187.41
FUEVFNVD	3,034,000	83.97	FPT	1,527,643	-148.38	VNM	2,413,512	193.14	SHB	17,269,135	-212.33	NVL	26,553,751	514.50	VNM	2,041,912	-163.74
E1VFN30	3,733,800	79.72	MWG	2,231,926	-127.11	VCB	1,737,942	151.94	VIC	3,405,338	-207.42	STB	13,621,455	434.24	DGC	1,439,158	-131.74
VJC	433,700	43.66	MBB	4,256,420	-81.10	BSI	2,117,004	89.56	MWG	3,098,039	-178.31	VIC	5,138,533	305.27	BSI	2,089,210	-88.25
BCM	523,600	35.66	DIG	2,538,400	-71.61	DGC	736,158	67.45	KBC	4,192,426	-146.80	MWG	5,132,039	293.75	VCG	2,998,613	-83.02
FRT	313,300	26.77	VPB	2,733,351	-59.49	HDG	1,889,872	60.13	VCI	2,951,989	-144.40	DIG	7,790,992	220.23	HPX	13,497,380	-74.10
VHM	277,400	14.59	TPB	2,871,700	-55.03	EIB	1,606,232	40.73	FUESSVFL	6,147,700	-121.94	ACB	8,995,608	195.77	VJC	602,871	-61.45
VRE	429,900	12.72	VIC	946,900	-54.15	VCG	1,464,553	39.05	NVL	4,635,040	-95.30	SHB	15,471,701	189.69	VGC	1,031,430	-51.87
CMG	200,100	9.75	GMD	797,900	-51.78	VGC	702,830	35.40	MSN	1,117,832	-92.48	FPT	1,896,597	184.52	SBT	3,157,180	-46.03

DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link
VCB	Ngân hàng	89.8	0.80%	0.90	20,843.00	8.00	5,532.00	16.20	105,000	23.50%	Link
BID	Ngân hàng	46.8	0.10%	0.80	9,831.00	2.00	3,972.00	11.80	54,578	17.10%	Link
VPB	Ngân hàng	22.6	0.70%	1.10	6,287.00	22.60	1,793.00	12.60	23,685	16.60%	Link
TCB	Ngân hàng	34.9	0.00%	1.60	5,098.00	6.60	5,442.00	6.40	-	22.50%	Link
MBB	Ngân hàng	19.4	1.30%	1.50	4,201.00	21.20	3,445.00	5.60	24,400	23.20%	Link
STB	Ngân hàng	32.5	2.20%	1.20	2,544.00	46.10	3,006.00	10.80	31,200	24.40%	Link
GVR	BĐS KCN	22.6	2.70%	1.90	3,754.00	2.90	677.00	33.40	19,100	0.50%	Link
KBC	BĐS KCN	35.6	2.00%	1.60	1,135.00	27.00	4,326.00	8.20	42,500	20.30%	Link
IDC	BĐS KCN	47.8	1.30%	1.70	655.00	6.00	3,578.00	13.40	45,900	11.10%	Link
VGC	BĐS KCN	51.2	2.40%	1.80	953.00	1.90	2,580.00	19.80	-	4.80%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	27.6	-0.70%	2.10	6,665.00	28.40	(326.00)	-84.60	23,300	26.40%	Link
VHM	Bất động sản	50.5	3.10%	1.10	9,132.00	22.10	10,326.00	4.90	79,900	24.20%	Link
VRE	BĐS	28	-1.70%	1.00	2,680.00	5.60	1,588.00	17.90	38,900	32.10%	Link
KDH	BĐS	34.6	0.00%	1.80	1,030.00	1.70	1,268.00	27.30	44,100	38.90%	Link
NLG	BĐS	36.3	-0.80%	1.70	579.00	3.20	1,294.00	28.10	46,100	41.40%	Link
DGC	Hóa chất	90.8	0.00%	1.90	1,432.00	8.70	10,627.00	8.50	85,000	13.50%	Link
DPM	Phân bón	39.2	-0.30%	1.00	636.00	4.40	6,392.00	6.10	41,000	15.40%	Link
DCM	Phân bón	33.8	0.40%	1.40	742.00	5.90	4,283.00	7.90	36,000	11.40%	Link
GAS	Dầu khí	109.6	3.40%	0.60	8,711.00	3.60	6,659.00	16.50	110,500	2.90%	Link
PLX	Dầu khí	40.2	0.40%	0.90	2,118.00	3.00	2,063.00	19.50	45,000	17.30%	Link
PVS	Dầu khí	39.4	4.00%	1.00	782.00	18.50	1,930.00	20.40	38,500	20.30%	Link
PVD	Dầu khí	27.2	1.50%	1.10	628.00	7.20	460.00	59.20	29,000	21.30%	Link
POW	Tiện ích	12.8	0.00%	0.90	1,240.00	3.40	579.00	22.00	14,500	6.20%	Link
VNM	F&B	79.5	0.10%	0.40	6,900.00	18.50	3,920.00	20.30	81,700	54.40%	Link
MSN	F&B	79.7	1.40%	1.30	4,736.00	7.70	690.00	115.60	27,700	30.50%	Link
MWG	Bán lẻ	55.9	-2.40%	1.80	3,395.00	18.20	1,069.00	52.30	63,800	49.00%	Link
PNJ	Bán lẻ	81.4	0.20%	0.60	1,109.00	2.20	5,503.00	14.80	83,500	49.00%	Link
VHC	Thủy sản	77.2	-0.50%	1.00	588.00	2.20	6,986.00	11.10	90,900	32.10%	Link
GMD	Logistics	64	-0.30%	0.50	813.00	3.90	7,252.00	8.80	57,000	47.00%	Link
FPT	Công nghệ	97.5	1.70%	0.60	5,142.00	8.60	4,301.00	22.70	108,000	49.00%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
CTG	Ngân hàng	32.8	-1.40%	1.10	6,536.00	8.80	3,548.00	9.20	1.50	27.20%	16.30%
ACB	Ngân hàng	22.6	0.90%	1.10	3,653.00	4.90	3,742.00	6.10	1.40	30.00%	26.30%
HDB	Ngân hàng	18	2.90%	0.80	2,162.00	7.60	2,738.00	6.60	1.40	20.00%	23.90%
LPB	Ngân hàng	15.8	-1.60%	1.30	1,673.00	3.50	1,694.00	9.30	1.60	3.90%	19.90%
VIB	Ngân hàng	21.6	-0.70%	1.20	2,270.00	11.50	3,469.00	6.20	1.70	20.50%	30.00%
VND	Chứng khoán	24	-0.60%	1.90	1,214.00	21.00	489.00	49.10	2.00	23.60%	4.80%
TPB	Ngân hàng	19.2	1.10%	1.00	1,756.00	3.90	2,895.00	6.60	1.30	28.80%	20.90%
SSI	chứng khoán	35.5	-0.40%	1.60	2,210.00	34.80	999.00	35.50	2.30	46.10%	7.90%
CII	Xây dựng	23.3	0.40%	1.60	275.00	8.90	153.00	152.70	9.40	8.50%	3.00%
C4G	Xây dựng	15	-0.70%	1.90	-	2.10	474.00	31.70	2.10	0.00%	6.90%
CTD	Xây dựng	67.5	3.50%	2.00	209.00	2.70	182.00	370.00	0.60	43.50%	0.20%
HHV	Xây dựng	17.7	0.30%	1.60	242.00	12.00	875.00	20.20	1.10	4.80%	3.90%
LCG	Xây dựng	14	-0.30%	2.10	113.00	4.30	478.00	29.90	1.10	3.10%	6.00%
BCM	KCN	69	-1.80%	0.70	2,966.00	0.90	521.00	132.40	4.00	2.70%	7.60%
HUT	KCN	25.3	0.00%	1.40	938.00	4.00	56.00	448.00	6.20	2.00%	1.30%
PHR	KCN	49.7	1.70%	1.40	280.00	1.00	6,526.00	7.60	1.90	15.40%	24.40%
SZC	KCN	39	2.40%	1.80	195.00	2.50	1,405.00	27.80	2.90	3.00%	9.00%
HSG	Vật liệu	21.4	0.50%	2.40	547.00	9.50	(2,114.00)	-10.10	1.30	20.50%	2.30%
HT1	Vật liệu	15.4	-2.50%	1.50	244.00	0.40	176.00	87.50	1.20	3.60%	3.00%
NKG	Vật liệu	21.5	0.90%	2.50	235.00	9.10	(2,655.00)	-8.10	1.10	10.60%	13.50%
PTB	Vật liệu	56.8	0.00%	1.00	158.00	0.70	5,299.00	10.70	1.40	17.40%	15.60%
KSB	Vật liệu	32.6	-1.10%	1.70	103.00	3.30	1,482.00	22.00	1.30	3.00%	6.50%
NVL	BĐS	18.9	1.10%	1.40	1,531.00	21.00	(270.00)	-70.00	0.90	3.80%	1.90%
DXG	BĐS	21.8	2.60%	2.70	554.00	15.70	(318.00)	-68.60	1.00	18.50%	3.40%
HDC	BĐS	35.6	-0.60%	1.00	200.00	5.00	2,189.00	16.20	2.60	2.00%	20.60%
DIG	BĐS	27.2	-0.40%	2.40	689.00	20.00	154.00	176.50	2.20	5.60%	2.10%
IJC	BĐS	16	0.00%	2.10	167.00	1.10	1,597.00	10.00	1.10	5.70%	12.10%
BSR	Dầu khí	22.1	2.80%	1.40	-	10.50	4,437.00	5.00	1.30	0.40%	29.60%
PVT	Dầu khí	26	-0.60%	0.80	350.00	5.00	2,742.00	9.50	1.00	13.50%	15.10%
PLC	Vật liệu	37.1	0.50%	1.60	124.00	0.30	1,353.00	27.40	2.40	1.20%	9.40%

DANH MỤC BSC 50 (tiếp)

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
DRC	Săm lốp	22.8	-0.90%	1.20	112.00	0.30	1,981.00	11.50	1.60	11.50%	14.40%
REE	Tiện ích	63	0.20%	0.70	1,069.00	0.90	6,116.00	10.30	1.30	49.00%	19.70%
GEX	Tiện ích	24.6	-0.40%	1.80	868.00	22.20	(4.00)	-6368.80	1.10	11.90%	4.20%
NT2	Tiện ích	26.6	-2.90%	0.60	318.00	1.10	2,560.00	10.40	1.60	15.30%	21.40%
HDG	Bất động sản	31.4	-1.60%	1.80	399.00	3.80	2,605.00	12.10	1.50	23.80%	22.80%
PC1	Tiện ích	30.2	-1.90%	1.60	339.00	4.00	974.00	31.00	1.50	5.60%	6.20%
GEG	Tiện ích	14.4	0.00%	1.10	203.00	0.40	640.00	22.40	0.90	45.90%	6.20%
BCG	Tiện ích	11.6	-0.40%	2.50	257.00	5.40	(165.00)	-70.30	0.40	2.00%	0.30%
SAB	F&B	83.1	-2.50%	0.10	4,426.00	1.80	3,478.00	23.90	4.30	62.30%	21.80%
QNS	F&B	50	1.20%	0.50	-	2.30	3,993.00	12.50	2.40	16.20%	19.50%
FRT	Bán lẻ	86	1.90%	1.60	487.00	2.80	(356.00)	-241.80	7.30	32.60%	11.80%
DGW	Bán lẻ	58.9	-1.00%	2.20	409.00	4.60	2,959.00	19.90	4.40	23.60%	24.70%
DBC	F&B	25	1.40%	2.00	249.00	4.20	551.00	44.90	1.30	5.90%	3.20%
PET	Bán lẻ	29.5	-3.00%	2.40	131.00	1.50	834.00	35.40	1.60	1.40%	6.30%
BAF	F&B	20.5	1.00%	1.10	122.00	1.00	1,222.00	16.80	1.70	0.10%	12.10%
ANV	Thủy sản	35.6	1.30%	1.90	197.00	1.50	2,162.00	16.50	1.80	3.90%	20.80%
VSC	Logistics	32	-0.80%	0.30	177.00	1.10	1,262.00	25.30	1.30	3.20%	10.70%
HAH	Logistics	38.6	0.00%	1.30	169.00	3.80	5,908.00	6.50	1.30	4.10%	35.90%
CTR	Công nghệ	78.2	-1.00%	1.50	372.00	1.10	4,238.00	18.50	5.50	9.70%	29.40%
TNG	Dệt may	20.6	0.50%	1.70	97.00	1.40	2,616.00	7.90	1.40	21.50%	19.10%

Nguồn: BSC Research

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký